TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 72/2020/QĐST-HNGĐ	*Thủ Đức, ngày 14 tháng 01 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1241/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Lê Thanh D, sinh năm 1986

Thường trú: ấp 1, xã Phú Đ, huyện Tân P, tỉnh Đồng N.

Địa chỉ tạm trú: khu phố A, phường Linh X, quận Thủ Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Nguyễn Thị Thảo T, sinh năm 1990

Thường trú: ấp 3, xã Phú H, huyện Định Q, tỉnh Đồng N

Địa chỉ tạm trú: khu phố A, phường Linh X, quận Thủ Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 06/01/2020.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Thanh D và bà Nguyễn Thị Thảo T thuận tình ly hôn.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Lê Nguyễn Cát T, sinh ngày 01/01/2017.

Ông Lê Thanh D trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Lê Nguyễn Cát T, sinh ngày 01/01/2017, việc cấp dưỡng nuôi con ông Dũng tự nguyện không yêu cầu.

Về tài sản chung: Ông Lê Thanh D và bà Nguyễn Thị Thảo T xác định không có.

Về nợ chung: Ông Lê Thanh D và bà Nguyễn Thị Thảo T xác định không có.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng ông Lê Thanh D và bà Nguyễn Thị Thảo T chịu.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 06/01/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Thanh D và bà Nguyễn Thị Thảo T thuận tình ly hôn.

1.2 Về con chung: Có 01 người con chung tên Lê Nguyễn Cát T, sinh ngày 01/01/2017.

Ông Lê Thanh D trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Lê Nguyễn Cát T, sinh ngày 01/01/2017, việc cấp dưỡng nuôi con ông Dũng tự nguyện không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

1.3 Về tài sản chung: Ông Lê Thanh D và bà Nguyễn Thị Thảo T xác định không có.

1.4 Về nợ chung: Ông Lê Thanh D và bà Nguyễn Thị Thảo T xác định không có.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng ông Lê Thanh D và bà Nguyễn Thị Thảo T chịu, nhưng được cấn trừ vào tiền tạm ứng

lệ phí 300.000 đồng ông Lê Thanh D và bà Nguyễn Thị Thảo T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0056213 ngày 06/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thủ Đức. Ông Lê Thanh D và bà Nguyễn Thị Thảo T đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hánh án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận*:**
- Toà án ND TP.HCM;
- VKSND Q.Thủ Đức;
- Chi cục THADS Q. Thủ Đức;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Trần Thị Ánh Nguyệt